

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

Số: 622/QĐ-YDHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 04 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Y khoa dựa trên năng lực

HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1854/QĐ-BYT ngày 18/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của Bác sĩ đa khoa”;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-YDHP ngày 16/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản cuộc họp ngày 10/5/2018 của Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc xét duyệt thông qua chương trình đào tạo Bác sĩ Y khoa đổi mới (dự án HPET);

Theo đề nghị của Trưởng Ban đổi mới chương trình đào tạo Y khoa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo Y khoa dựa trên năng lực.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và áp dụng thực hiện từ khóa 40 (2018-2024).

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ; Đào tạo Đại học; Tài chính kế toán; Hành chính tổng hợp; Công tác chính trị; Trưởng các Khoa và Bộ môn trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành.

KÍ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Nhu điều 3;
- Lưu: VT; ĐTĐH.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

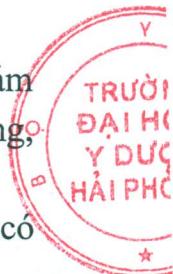
CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Y KHOA DỰA TRÊN NĂNG LỰC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 622/QĐ-YDHP, ngày 14 tháng 7 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Sinh viên ngành bác sĩ Y khoa khi tốt nghiệp tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng được mong muốn đạt được các năng lực sau tại thời điểm tốt nghiệp:

I. Năng lực hành nghề chuyên nghiệp

1. Tôn trọng tốt các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế có liên quan mà Việt Nam tham gia về hành nghề y, cũng như các quy định về đạo đức nghề nghiệp: đặt lợi ích, an toàn của người bệnh lên trên lợi ích cá nhân, giữ bí mật thông tin người bệnh, chịu trách nhiệm cá nhân liên quan đến những quyết định chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh.
2. Thể hiện được sự tâm huyết với quyết định lựa chọn nghề nghiệp.
3. Tôn trọng phong tục, tập quán, tín ngưỡng, văn hóa của mỗi vùng miền và của mỗi cá nhân.
4. Đảm bảo sự công bằng cho tất cả các đối tượng khi tiếp cận các dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cũng như thể hiện được tinh thần cảm thông, yêu thương, chia sẻ, trung thực và trách nhiệm khi tiếp cận người bệnh.
5. Xây dựng được tác phong làm việc chuyên nghiệp, lối sống lành mạnh, có văn hóa giao tiếp, ứng xử tốt tại nơi làm việc theo các quy định hiện hành.
6. Thực hành nghề y trong phạm vi chuyên môn được cấp phép.
7. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học.
8. Xác định được mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, ưu nhược điểm của bản thân; xây dựng được kế hoạch và tham gia các hoạt động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
9. Có khả năng tự bổ sung và nâng cao kiến thức từ việc nghiên cứu tài liệu y học, có khả năng tiếp cận, tra cứu và sử dụng một cách hiệu quả các thông tin y học từ hồ sơ bệnh án, thư viện và các nguồn thông tin trực tuyến chính thống.
10. Có khả năng sử dụng tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ khác để học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp.



II. Năng lực ứng dụng các kiến thức y học

1. Giải thích được cấu trúc, chức năng và sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần con người.
2. Giải thích được mối tương quan giữa cấu trúc, chức năng của cơ thể, giữa các cơ quan ở người bình thường và trạng thái bệnh lý; giải thích cơ chế của các triệu chứng, dấu hiệu bệnh lý; cơ chế tác động của các nguyên nhân và yếu tố nguy cơ đến sự xuất hiện bệnh lý.

3. Giải thích được các nguyên tắc cơ bản, chỉ định, chống chỉ định của các quy trình, kỹ thuật thăm khám lâm sàng và cận lâm sàng phục vụ cho chẩn đoán bệnh.

4. Giải thích được các nguyên tắc lập luận chẩn đoán bệnh, nguyên tắc và cách giải quyết các vấn đề sức khỏe thường gặp.

5. Trình bày được các nguyên lý áp dụng được học, phẫu thuật, vật lý, dinh dưỡng, tâm lý, y học cổ truyền, phục hồi chức năng...vào điều trị, dự phòng các bệnh lý thường gặp.

6. Trình bày được nguyên tắc, mô hình hệ thống tổ chức y tế, nguyên lý cơ bản của quản lý y tế ở Việt Nam.

7. Trình bày được các nguyên lý dịch tễ học trong đánh giá nguy cơ bệnh và dịch bệnh, dự phòng và nâng cao sức khỏe người dân.

III. Năng lực chăm sóc y khoa

1. Thực hiện được các bước khám lâm sàng, chỉ định và phân tích được các xét nghiệm cận lâm sàng cần thiết để đưa ra được chẩn đoán (xác định, thể bệnh, mức độ, giai đoạn, nguyên nhân, biến chứng) các bệnh thường gặp.

2. Lựa chọn được các biện pháp điều trị phù hợp (nội khoa, ngoại khoa, can thiệp, vật lý trị liệu, dinh dưỡng, tâm lý trị liệu, xạ trị...) dựa trên các bằng chứng y học.

3. Kê được đơn thuốc điều trị theo đúng nguyên tắc an toàn, hợp lý, hợp pháp có các bằng chứng y học tin cậy và giải thích được rõ ràng cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.

4. Thực hiện được một số thủ thuật cơ bản theo đúng quy trình của bộ y tế.

5. Lập được kế hoạch điều trị, theo dõi người bệnh và phát hiện, xử trí được một số tai biến trong quá trình theo dõi, điều trị và lập được hồ sơ bệnh án quản lý người bệnh.

6. Phân tích được tâm lý của người bệnh cũng như áp dụng được các nguyên tắc cơ bản về tâm lý trị liệu.

7. Hướng dẫn được cho người bệnh sử dụng các phương pháp không dùng thuốc, y học cổ truyền trong điều trị bệnh và dự phòng nâng cao sức khỏe.

8. Nhận định và xử trí được ban đầu các trường hợp cấp cứu, phối hợp được với các nhân viên y tế cấp cứu các bệnh nhân nặng.

9. Khám và quản lý các trường hợp thai nghén thông thường, xác định được chuyển dạ, hỗ trợ được nhân viên y tế trong cấp cứu ban đầu tai biến sản khoa và sơ sinh.

10. Lựa chọn được các biện pháp giảm đau thông thường, chăm sóc giảm nhẹ cho người bệnh mạn tính hoặc mắc bệnh nan y.

11. Nhận định được các loại nhiễm khuẩn thường gặp, các phương thức lây truyền các bệnh lây nhiễm thường gặp, phối hợp được với nhân viên y tế tham gia kiểm soát lây nhiễm.

IV. Năng lực giao tiếp

1. Biết cách lắng nghe, chia sẻ và thể hiện được sự đồng cảm với những lo lắng, khó khăn của người bệnh.
2. Giải thích được một cách rõ ràng và đầy đủ về tình trạng bệnh, lợi ích và nguy cơ của các biện pháp áp dụng điều trị, cũng như những băn khoăn, thắc mắc của người bệnh và gia đình người bệnh.
3. Lựa chọn được phương thức giao tiếp hiệu quả với người bệnh trong các trường hợp đặc biệt (người già, trẻ em, người khó khăn về nghe, nhìn, nói, người dân tộc...).
4. Xử lý được có hiệu quả một số tình huống giao tiếp khó như người bệnh bị kích động, đối tượng dễ bị tổn thương, bị bạo hành, chuẩn bị tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp nhưng thông tin xấu về tình trạng bệnh.
5. Có khả năng hợp tác có hiệu quả với đồng nghiệp và các chuyên gia, cán bộ y tế khác trên nguyên tắc tôn trọng, học hỏi, đồng thuận, hóa giải mâu thuẫn nhằm đạt được kết quả cao nhất trong chăm sóc và điều trị người bệnh.

